

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2006/QĐ-UBND

Đông Hà, ngày 02 tháng 6 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành Quy chế tạm thời quản lý
cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 của Chính phủ về Khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn;

Theo Công văn số 2472/CV/CNĐP ngày 13/5/2005 của Bộ Công nghiệp về việc Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với các khu, cụm, điểm công nghiệp địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tạm thời quản lý cụm Công nghiệp- Tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lê Hữu Phúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ TẠM THỜI
QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP- TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2006/QĐ-UBND
ngày 02/6/2006 của UBND tỉnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định nguyên tắc tổ chức, hoạt động của các cụm Công nghiệp- Tiêu thủ công nghiệp (Công nghiệp- TTCN) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, bao gồm: Điều kiện thành lập cụm Công nghiệp- TTCN; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN; đầu tư sản xuất và kinh doanh dịch vụ công nghiệp trong cụm Công nghiệp- TTCN; chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý cụm Công nghiệp- TTCN; nội dung quản lý nhà nước và trách nhiệm của các cơ quan quản lý đối với hoạt động của cụm Công nghiệp- TTCN.

2. Quy chế này áp dụng cho các cụm Công nghiệp- TTCN quy định tại khoản 1 Điều 2. Tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trực tiếp đầu tư sản xuất Công nghiệp- TTCN, kinh doanh và dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp- TTCN, đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cụm Công nghiệp- TTCN là tên gọi chung cho các cụm Công nghiệp- TTCN hoặc điểm Công nghiệp- TTCN là những khu vực bố trí tập trung các cơ sở sản xuất công nghiệp và dịch vụ sản xuất công nghiệp- TTCN trên địa bàn huyện, thị xã, có ranh giới địa lý xác định, có quy mô diện tích phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và không có dân cư sinh sống, do UBND tỉnh quyết định thành lập theo quy hoạch phát triển công nghiệp- TTCN trên địa bàn để thu hút các dự án đầu tư mới (Chủ yếu là quy mô vừa và nhỏ) và bố trí cơ sở sản xuất công nghiệp- TTCN trong diện di dời ra khỏi nội thị hoặc khu dân cư tập trung.

2. Doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ trong cụm Công nghiệp- TTCN là tên gọi chung của các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2, Điều 1 của Quy chế này đầu tư sản xuất các sản phẩm công nghiệp- TTCN hoặc thực hiện các dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp- TTCN trong cụm Công nghiệp- TTCN.

3. Doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN là tên gọi chung của các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2, Điều 1 Quy chế này, được

cấp có thẩm quyền cho phép hoặc giao nhiệm vụ thực hiện việc đầu tư xây dựng, phát triển và kinh doanh hạ tầng phục vụ sản xuất công nghiệp- TTCN trong cụm Công nghiệp- TTCN.

Điều 3. Thành lập cụm Công nghiệp- TTCN

Việc thành lập cụm Công nghiệp- TTCN phải phù hợp với nội dung quy hoạch phát triển các cụm Công nghiệp- TTCN trong quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh và các huyện, thị xã đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Căn cứ vào quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội của địa phương; căn cứ quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn và các quy hoạch khác liên quan; căn cứ mục tiêu phát triển và điều kiện cụ thể của địa phương từng thời kỳ; UBND huyện, thị xã chủ trì xây dựng Đề án thành lập cụm Công nghiệp- TTCN và trình các cơ quan chức năng thẩm tra để trình UBND tỉnh phê duyệt.

Đối với cụm Công nghiệp- TTCN chưa có trong quy hoạch phát triển công nghiệp đã được phê duyệt, nếu xét thấy việc thành lập là cần thiết và đủ điều kiện, UBND huyện, thị xã phối hợp với Sở Công nghiệp, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan trình UBND tỉnh xin chủ trương, sau khi được UBND tỉnh chấp thuận bằng văn bản mới tiến hành lập, trình duyệt Đề án thành lập cụm Công nghiệp- TTCN.

Đề án thành lập cụm Công nghiệp- TTCN được phê duyệt là căn cứ để UBND tỉnh ra quyết định thành lập cụm Công nghiệp- TTCN.

Điều 4. Nội dung Đề án thành lập cụm Công nghiệp- TTCN

Đề án thành lập cụm Công nghiệp- TTCN phải làm rõ được những nội dung sau:

1. Các căn cứ pháp lý.

- Các quy định của Nhà nước về phát triển công nghiệp- TTCN;

- Sự phù hợp với các quy hoạch liên quan như quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội; quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn; quy hoạch sử dụng đất đai; quy hoạch xây dựng; quy hoạch phát triển đô thị của địa phương; văn bản chấp thuận về mặt chủ trương thành lập cụm Công nghiệp- TTCN của UBND tỉnh nếu chưa có trong quy hoạch.

2. Ranh giới, diện tích cụm Công nghiệp- TTCN; định hướng quy hoạch sử dụng mặt bằng trong cụm Công nghiệp- TTCN nghề (Mật độ xây dựng, diện tích cây xanh, diện tích dành cho các công trình hạ tầng kỹ thuật...). Mối liên hệ tác động của cụm Công nghiệp- TTCN với các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường sinh thái, an ninh quốc phòng của các địa phương. Sự gắn kết với quy hoạch khu dân cư và hạ tầng kinh tế- văn hoá- xã hội ngoài hàng rào cụm Công nghiệp- TTCN.

3. Những nội dung và giải pháp chủ yếu triển khai xây dựng cụm Công nghiệp- TTCN (Xác định chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN; dự kiến tổng mức đầu tư; nguồn vốn và khả năng thu xếp vốn; phương án đền bù- giải phóng mặt bằng, di dân- tái định cư; các giải pháp xây dựng; phương án cấp điện; cấp thoát nước, giao thông, thông tin- liên lạc; xử lý môi trường; phòng chống cháy nổ; an toàn lao động...).

4. Định hướng bố trí các ngành nghề sản xuất trong cụm Công nghiệp- TTCN. Dự kiến khả năng lấp đầy (Số lượng dự án đã đăng ký, dự án cần di dời...) và phương án thu hút đầu tư vào cụm Công nghiệp- TTCN.

5. Dự kiến về hiệu quả kinh tế- xã hội của việc xây dựng cụm Công nghiệp- TTCN.

Điều 5. Xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp- TTCN

1. Đối với cụm Công nghiệp- TTCN có doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng: Sau khi có quyết định thành lập cụm Công nghiệp- TTCN, chủ đầu tư tiến hành lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN để triển khai thực hiện.

2. Đối với cụm Công nghiệp- TTCN không có doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng thì Ban quản lý cụm Công nghiệp- TTCN được giao chủ trì xử lý các vấn đề chung của cụm Công nghiệp- TTCN (Đã được xác định trong Đề án thành lập cụm Công nghiệp- TTCN) lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án đền bù- giải phóng mặt bằng, di dân- tái định cư, cho thuê đất, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng dùng chung (Cấp điện, cấp thoát nước, đường giao thông nội bộ...) và tổ chức triển khai thực hiện.

Chương II

DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP- TTCN

Điều 6. Thời hạn hoạt động của doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ trong cụm Công nghiệp- TTCN

Thời hạn hoạt động của doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ trong cụm Công nghiệp- TTCN không quá 50 năm tính từ ngày doanh nghiệp được cấp phép đầu tư vào cụm Công nghiệp- TTCN. Trường hợp doanh nghiệp thuê lại đất gắn với công trình kết cấu hạ tầng đã đầu tư thì thời hạn hoạt động được xác định trong hợp đồng thuê đất không vượt quá thời hạn được thuê đất của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN. Việc gia hạn hoạt động được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền của doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ trong cụm Công nghiệp- TTCN

1. Được giao đất hoặc cho thuê đất trong cụm Công nghiệp- TTCN theo quy định của pháp luật về đất đai để xây dựng nhà xưởng, công trình phục vụ sản xuất và dịch vụ công nghiệp- TTCN phù hợp với giấy phép đầu tư, đăng ký kinh doanh; được thuê lại đất gắn với công trình kết cấu hạ tầng đã đầu tư, mua lại, thuê lại nhà xưởng của doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN hoặc của doanh nghiệp sản xuất- dịch vụ khác.

2. Được tiếp tục gia hạn thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai khi hết thời hạn của hợp đồng thuê đất (Nếu có yêu cầu).

3. Được sử dụng có trả tiền các công trình kết cấu hạ tầng, các dịch vụ công cộng và các dịch vụ khác trong cụm Công nghiệp- TTCN.

4. Được hưởng các chính sách khuyến công theo quy định tại Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn.

5. Được hưởng các ưu đãi về đầu tư theo pháp luật hiện hành của Nhà nước và các chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư khác của tỉnh Quảng Trị.

6. Được tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức sản xuất, kinh doanh và dịch vụ theo dự án đầu tư đã đăng ký, được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 8. Nghĩa vụ của doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ trong cụm công nghiệp- TTCN

1. Triển khai thực hiện dự án đầu tư đã được cấp phép trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày được giao hoặc thuê đất trong cụm Công nghiệp- TTCN; Sử dụng đất được giao hoặc thuê đúng mục đích đầu tư và thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh đúng với nội dung của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp.

2. Xây dựng nhà xưởng và công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất phải bảo đảm đúng quy hoạch, giấy phép xây dựng được cấp và thực hiện đúng hướng dẫn của Ban quản lý cụm Công nghiệp- TTCN.

3. Tuân thủ mọi quy định của Quy chế này và các quy định khác của pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh (Như các nghĩa vụ về thuế, chế độ kế toán, thống kê, chính sách đối với lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ...).

4. Tham gia tích cực vào việc thu hút lao động, giải quyết việc làm tại địa phương nơi có cụm Công nghiệp- TTCN, có chính sách ưu tiên đối với các con em của các đối tượng chính sách và những hộ gia đình bị thu hồi đất để thành lập cụm Công nghiệp- TTCN.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm theo quy định.

Chương III

DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CỤM CÔNG NGHIỆP- TTCN

Điều 9. Quyền của doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN

1. Được giao đất hoặc thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN theo quy định của pháp luật về đất đai; được vận động thu hút đầu tư vào cụm Công nghiệp- TTCN do doanh nghiệp đầu tư và kinh doanh hạ tầng.

2. Được huy động vốn theo quy định của pháp luật; được hưởng các chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh Quảng Trị để đầu tư xây dựng hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN.

3. Kinh doanh các dịch vụ trong cụm Công nghiệp- TTCN phù hợp với nội dung của giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp.

4. Được chào giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng, giá cho thuê hoặc bán nhà xưởng và các loại phí dịch vụ khác trên cơ sở khung giá trong dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Được liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng khác để đầu tư và kinh doanh hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN.

6. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 10. Nghĩa vụ của doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng cụm công nghiệp- TTCN

1. Lập và trình duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN (Trong đó bao gồm phương án đền bù, giải phóng mặt bằng, di dân-tái định cư trên diện tích được giao hoặc được thuê; các yêu cầu và giải pháp về kết nối hạ tầng ngoài cụm Công nghiệp- TTCN; khung giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng và các loại phí dịch vụ...).

2. Triển khai dự án đầu tư đã được phê duyệt trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày được giao hoặc thuê đất để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng trong cụm Công nghiệp- TTCN, đảm bảo chất lượng, tiến độ xây dựng.

3. Duy tu, bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng trong cụm Công nghiệp- TTCN trong suốt thời gian hoạt động, thực hiện việc bảo hành công trình theo quy định của pháp luật.

4. Tuân thủ mọi quy định của Quy chế này và các quy định liên quan khác của pháp luật hiện hành về các nghĩa vụ thuế, chính sách đối với người lao động, chế độ kế toán- thống kê, chế độ báo cáo, tiêu chuẩn xây dựng, quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ...

5. Phối hợp với Ban quản lý cụm Công nghiệp- TTCN trong việc phổ biến các luật, chính sách, quy định của Nhà nước và chính quyền địa phương cho các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ hoạt động trong cụm Công nghiệp- TTCN.

6. Chịu trách nhiệm chung về hợp đồng cung cấp các dịch vụ tiện ích phục vụ sản xuất kinh doanh trong cụm Công nghiệp- TTCN.

7. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ trong cụm Công nghiệp- TTCN xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc, thiết bị phù hợp với thiết kế và tiến độ đã được phê duyệt.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CỤM CÔNG NGHIỆP - TTCN

Điều 11. Nội dung quản lý nhà nước về công nghiệp đối với cụm Công nghiệp- TTCN

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển cụm Công nghiệp- TTCN nhằm đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp- TTCN trên địa bàn.

2. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy định hướng dẫn việc hình thành, phát triển và quản lý hoạt động cụm Công nghiệp- TTCN.

3. Cấp, điều chỉnh, bổ sung hoặc thu hồi giấy phép đầu tư vào cụm Công nghiệp- TTCN và thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đối với các doanh nghiệp hoạt động trong cụm Công nghiệp- TTCN.

4. Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành hoạt động của cụm Công nghiệp- TTCN, đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực.

5. Kiểm tra, thanh tra, giám sát và giải quyết các vấn đề phát sinh của các hoạt động trong cụm Công nghiệp- TTCN.

Điều 12. Các Sở, Ban, ngành liên quan của tỉnh, UBND các huyện, thị xã thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước đối với cụm Công nghiệp- TTCN trên địa bàn trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định

1. Sở Công nghiệp là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có trách nhiệm:

a) Xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách để quản lý và phát triển cụm Công nghiệp- TTCN. Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan thẩm tra Đề án thành lập cụm Công nghiệp- TTCN trình UBND tỉnh phê duyệt và ra quyết định thành lập;

b) Hỗ trợ, tham gia vận động đầu tư vào các cụm Công nghiệp- TTCN; kiểm tra việc thực hiện phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn và Đề án thành lập cụm Công nghiệp- TTCN đã được duyệt. Chủ trì xây dựng các chương trình phối hợp, liên kết với các tỉnh bạn để thu hút đầu tư phát triển các cụm Công nghiệp- TTCN phù hợp với quy hoạch phát triển Công nghiệp- TTCN theo vùng lãnh thổ;

c) Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động của các cụm Công nghiệp- TTCN trong phạm vi quyền hạn được giao;

d) Hỗ trợ việc nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ, đào tạo bồi dưỡng nhân lực quản lý cho các Ban quản lý và các doanh nghiệp trong cụm Công nghiệp- TTCN;

đ) Tổ chức việc sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, khen thưởng và kỷ luật các tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng, phát triển và quản lý các cụm Công nghiệp- TTCN theo định kỳ báo cáo.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì nghiên cứu, xây dựng quy định nguyên tắc, trình tự, thủ tục cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép đầu tư vào cụm Công nghiệp- TTCN. Quy định về việc thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn giải quyết thủ tục giao đất, cho thuê đất đối với các dự án đầu tư vào cụm Công nghiệp- TTCN theo quy chế "Một cửa";

b) Chủ trì thẩm định và phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đối với các dự án đầu tư vào cụm Công nghiệp- TTCN;

c) Thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng đất, bảo vệ môi trường đối với các cụm Công nghiệp- TTCN theo luật định.

4. UBND các huyện, thị xã là cơ quan quản lý hành chính nhà nước trực tiếp đối với cụm Công nghiệp- TTCN có trách nhiệm:

a) Chủ trì xây dựng Đề án thành lập cụm Công nghiệp- TTCN; ra Quyết định thành lập Ban quản lý cụm Công nghiệp- TTCN; xây dựng và ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của Ban quản lý cụm Công nghiệp- TTCN; cấp giấy phép đầu tư thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư cho các đơn vị đầu tư sản xuất kinh doanh trong các cụm Công nghiệp- TTCN theo đề án đã được phê duyệt;

b) Chỉ đạo Ban quản lý cụm Công nghiệp- TTCN hoặc doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN lập quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư xây dựng và tổ chức triển khai đầu tư xây dựng các cụm Công nghiệp- TTCN trên địa bàn huyện, thị xã;

c) Quản lý hoạt động của các cụm Công nghiệp- TTCN trên địa bàn; quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất đã được quy hoạch xây dựng cụm Công nghiệp- TTCN trong khi chưa triển khai đầu tư (Thống kê hiện trạng, không cấp phép xây dựng công trình kiên cố, trồng cây lâu năm...);

d) Thực hiện việc đền bù, giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư... phục vụ xây dựng các cụm Công nghiệp- TTCN trên địa bàn;

đ) Chủ động huy động các nguồn vốn và bố trí ngân sách xây dựng cơ sở hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN (Trường hợp có doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN thì chỉ xây dựng cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào).

Điều 13. Ban quản lý cụm Công nghiệp- TTCN

Ban quản lý cụm Công nghiệp- TTCN là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc UBND huyện, thị xã.

1. Nhiệm vụ:

a) Giúp UBND huyện, thị xã thực hiện việc xây dựng, phát triển và quản lý hoạt động của các cụm Công nghiệp- TTCN được tỉnh phân cấp;

b) Làm chủ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật chung và tổ chức các hoạt động dịch vụ phục vụ cho các cơ sở sản xuất kinh doanh đối với các cụm Công nghiệp- TTCN không có doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng;

c) Lập quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong các cụm Công nghiệp- TTCN (Trường hợp có doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng thì hướng dẫn, phối hợp với các doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN trong việc lập dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN), trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng Điều lệ hoạt động của từng cụm Công nghiệp- TTCN đề trình UBND huyện, thị xã phê duyệt;

d) Đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng trong và ngoài cụm Công nghiệp- TTCN, việc triển khai các dự án đầu tư sản xuất- dịch vụ trong cụm Công nghiệp- TTCN để đưa vào hoạt động đồng bộ, đúng quy hoạch, kế hoạch, tiến độ được duyệt;

đ) Thực hiện vận động, thu hút đầu tư vào cụm Công nghiệp- TTCN; Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ xin cấp phép đầu tư xây dựng của các nhà đầu tư để trình cấp có thẩm quyền quyết định; Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng cụm Công nghiệp- TTCN giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc xây dựng và quản lý cụm Công nghiệp- TTCN;

e) Phối hợp với Phòng Công nghiệp- Thương mại- Du lịch và các cơ quan chức năng hướng dẫn, giám sát, kiểm tra hoạt động của các doanh nghiệp trong cụm Công nghiệp- TTCN trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và chính quyền địa phương;

g) Nghiên cứu, tổng hợp các đề xuất, kiến nghị của các doanh nghiệp về nâng cao hiệu quả hoạt động của các cụm Công nghiệp- TTCN để báo cáo với các ngành chức năng của tỉnh và UBND huyện, thị xã xem xét sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung Quy chế này và các quy định khác về quản lý cụm Công nghiệp- TTCN cho phù hợp với tình hình thực tế;

h) Tổ chức các hoạt động dịch vụ có thu phí trong cụm Công nghiệp- TTCN để phục vụ cho việc quản lý, khai thác và duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật;

i) Báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động sản xuất và dịch vụ trong cụm Công nghiệp- TTCN;

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND huyện, thị xã và các cơ quan chức năng quy định.

2. Cơ cấu tổ chức:

Ban quản lý cụm Công nghiệp- TTCN có 01 Trưởng Ban, không quá 02 Phó Trưởng Ban và bộ máy giúp việc.

a) Trưởng Ban do Chủ tịch UBND huyện, thị xã quyết định bổ nhiệm;

b) Phó Trưởng Ban: Do Trưởng Ban giới thiệu và đề nghị Chủ tịch UBND huyện, thị xã ra quyết định bổ nhiệm;

c) Bộ máy giúp việc: Biên chế bộ máy giúp việc của Ban quản lý cụm Công nghiệp- TTCN nằm trong tổng biên chế hàng năm của huyện, thị xã được UBND tỉnh

phê duyệt. Số lượng thành viên của Ban quản lý cụm Công nghiệp- TTCN do UBND huyện, thị xã quyết định, trên nguyên tắc đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ.

- Ban quản lý cụm Công nghiệp- TTCN được sử dụng con dấu và tài khoản riêng để hoạt động.

3. Kinh phí hoạt động.

Kinh phí hoạt động của Ban quản lý cụm Công nghiệp- TTCN do ngân sách huyện, thị xã cấp từ nguồn kinh phí quản lý hành chính nhà nước và được bổ sung bằng nguồn thu từ hoạt động dịch vụ (Nếu có).

Chương V

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 14. Khen thưởng

Các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt các quy định của Quy chế này thì được đề nghị khen thưởng tương xứng với thành tích.

Điều 15. Kỷ luật

Các tổ chức, cá nhân có những hành vi vi phạm các quy định trong Quy chế này sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Giám đốc các Sở: Công nghiệp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, Trưởng Ban quản lý cụm Công nghiệp- TTCN, Thủ trưởng các Ban, ngành liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, UBND các huyện, thị xã và các Ban quản lý cụm Công nghiệp- TTCN phản ánh về Sở Công nghiệp để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét kịp thời bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lê Hữu Phúc